TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DSST
Ngày: 11 – 01 – 2024.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Hoàng Long**

2. Bà **Trần Thị Minh Hiền**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Phục Hưng –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2023/TLST-DS ngày 23/10/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 591/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Nguyên vào ngày 27/10/2021, bà Nguyễn Thị B có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 33 ngày (từ ngày 27/10/2021 đến ngày 30/11/2021), lãi suất 4%/tháng. Hai bên có làm biên nhận và thống nhất ký tên. Đến hạn trả tiền, bà B không trả mà hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất quy định 1,66%/ tháng kể từ ngày 27/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay và tiễn lãi nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét "Giấy biên nhận vay tiền ngày 27/10/2021" giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị B có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 15.000.000 đồng; lãi suất tỏa thuận 4%/ tháng, số tiền 6.000.000 đồng; thời hạn kể từ ngày 27/10/2021 đến ngày 30/11/2021. Nội dung trong giấy biên nhận vay tiền ngày 27/10/2021 là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[3.2] Tòa án đã tống đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng bà Nguyễn Thị B vắng mặt và không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như bà B đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B có thỏa thuận vay tiền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại Điều 280, Điều 282 Bộ luật dân sự thì bà Nguyễn Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận trong "Giấy biên nhận vay tiền ngày 27/10/2021". Cần buộc bà B có trách nhiệm trả số tiền gốc và tiền lãi phát kể từ ngày 27/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm cho ông T.

[3.3] Xét thỏa thuận của ông Trương, bà B về lãi suất 4%/ tháng, tương đương 48%/ năm là trái với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất theo

quy định pháp luật là 1,66%/ tháng, tương đương 19,92%/ năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Số tiền lãi bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T kể từ ngày 21/10/2021 đến ngày 11/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

15.000.000 đồng x 1,66%/ tháng x 26 tháng 21 ngày = 6.648.300 đồng.

[3.4] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà Nguyễn Thị B trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 6.648.300 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Điều 280; Điều 282; Điều 463; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T tổng số 21.648.300 đồng *(Hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm đồng)*, trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*, tiền lãi 6.648.300 đồng *(Sáu triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 1.082.000 đồng *(Một triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T được nhận lại 505.000 đồng *(Năm trăm lẻ năm nghìn*

đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005440 ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS.ND. H. Thới Lai.
- THA.H. Thới Lai;
- Lưu

Phan Nguyễn Minh Trí